Phụ lục 03

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

Phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 663 hộ gia đình, cá nhân (Đợt 2)

1. Lưu Thanh Cuông

Số căn cước công dân: 038044000580 Ngày cấp: 30/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**935,0**			**42.075.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	1.482,0	935,0	LUC	935,0	45.000	1,0	42.075.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	1.482,0	935,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000			
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**100.350.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					935,0	45.000	2,0	84.150.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					72,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**142.425.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

2. Nguyễn Thị Dậu

Số căn cước công dân: 038153019822 Ngày cấp: 18/05/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.033,0**			**46.485.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	63,0	1.033,0	LUC	1.033,0	45.000	1,0	46.485.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	63,0	1.033,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000			
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**103.770.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.033,0	45.000	2,0	92.970.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					92,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**150.255.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

3. Trần Văn Dũng (chết) - vợ Trịnh Thị Lan đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038169030162 Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0379688852

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.029,0**			**46.305.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	8,0	1.029,0	LUC	970,3	45.000	1,0	43.663.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	8,0	1.029,0	LUC	58,7	45.000	1,0	2.641.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**119.610.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.029,0	45.000	2,0	92.610.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					92,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**165.915.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

4. Nguyễn Trọng Dũng

Số căn cước công dân: 038089032565 Ngày cấp: 17/07/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0354835771

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.672,0**	**180.000**	**4**	**75.240.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	165,0	1.396,0	LUC	1.396,0	45.000	1,0	62.820.000	
		m²	10,0	245,0	276,0	LUC	276,0	45.000	1,0	12.420.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	165,0	1.396,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	10,0	245,0	276,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**182.880.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.672,0	45.000	2,0	150.480.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					85,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**258.120.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

5. Trần Văn Đồng (Nhân)

Số căn cước công dân: 038073009429 Ngày cấp: 15/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0927659789

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**559,7**			**25.186.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	53,0	559,7	LUC	559,7	45.000	1,0	25.186.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	53,0	559,7	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000			
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**66.573.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					559,7	45.000	2,0	50.373.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					94,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**91.759.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

6. Trần Công Giá (chết) - vợ Lê Thị Hợp đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038174031251 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0338481936

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**529,9**			**23.845.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	116,0	529,9	LUC	529,9	45.000	1,0	23.845.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	116,0	529,9	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000			
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**74.691.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					529,9	45.000	2,0	47.691.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					78,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**98.536.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

7. Trần Công Danh

Số căn cước công dân: 038075031787 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**264,9**			**11.920.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	116,0	264,9	LUC	264,9	45.000	1,0	11.920.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	116,0	264,9	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**45.441.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					264,9	45.000	2,0	23.841.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**57.361.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

8. Nguyễn Thị Hiền

Số căn cước công dân: 038164006502 Ngày cấp: 03/01/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**650,0**			**29.250.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	177,0	650,0	LUC	650,0	45.000	1,0	29.250.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	177,0	650,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000			
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**96.300.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					650,0	45.000	2,0	58.500.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					7,0	5.400.000		37.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**125.550.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

9. Trần Thị Hoa

Số căn cước công dân: 038162029346 Ngày cấp: 30/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0976775458

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.222,0**			**54.990.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	2,0	742,8	LUC	742,8	45.000	1,0	33.426.000	
		m²	10,0	3,0	479,2	LUC	479,2	45.000	1,0	21.564.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	2,0	742,8	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	10,0	3,0	479,2	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**136.980.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.222,0	45.000	2,0	109.980.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					77,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**191.970.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

10. Hà Đức Hòa (chết) - con trai Hà Quý Tư đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038054018438 Ngày cấp: 06/01/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0333685774

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**506,2**			**22.779.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	60,0	506,2	LUC	506,2	45.000	1,0	22.779.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	60,0	506,2	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000			
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**45.558.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					506,2	45.000	2,0	45.558.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					-	2.700.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					69,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**68.337.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

11. Trần Thị Hơn (chết) - con gái Hà Thị Tương đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038167024140 Ngày cấp: 15/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0346718737

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**749,1**			**33.709.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	110,0	749,1	LUC	749,1	45.000	1,0	33.709.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	110,0	749,1	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**67.419.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					749,1	45.000	2,0	67.419.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**101.128.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

12. Lê Duy Kế (Chết) - con trai Lê Duy Xuân đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038080029496 Ngày cấp: 30/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**981,0**			**44.145.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	236,0	981,0	LUC	981,0	45.000	1,0	44.145.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	236,0	981,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**104.490.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					981,0	45.000	2,0	88.290.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					93,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**148.635.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

13. Nguyễn Đức Kỳ (Chết) - con trai Nguyễn Đức Thuật đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038076034449 Ngày cấp: 10/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Tiên Trang, xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0367221588

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**2.400,8**			**108.036.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	199,0	778,0	LUC	546,6	45.000	1,0	24.597.000	
		m²	11,0	198,0	1.622,8	LUC	1.622,8	45.000	1,0	73.026.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	199,0	778,0	LUC	231,4	45.000	1,0	10.413.000	
		m²	11,0	198,0	1.622,8	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**243.072.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					2.400,8	45.000	2,0	216.072.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					97,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**351.108.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

14. Trần Thị Lài

Số căn cước công dân: 038170037939 Ngày cấp: 27/01/2026 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0966289168

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**500,0**			**22.500.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	150,0	500,0	LUC	500,0	45.000	1,0	22.500.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	150,0	500,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**500,0**		**-**	**4.000.000**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					500,0	8.000		4.000.000	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**55.800.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					500,0	45.000	2,0	45.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**82.300.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

15. Trần Văn Lân

Số căn cước công dân: 038050014240 Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0384545953

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.382,8**			**62.226.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	311,0	492,8	LUC	492,8	45.000	1,0	22.176.000	
		m²	13,0	9,0	890,0	LUC	890,0	45.000	1,0	40.050.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	311,0	492,8	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	13,0	9,0	890,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**151.452.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.382,8	45.000	2,0	124.452.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					77,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**213.678.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

16. Trần Thị Loan

Số căn cước công dân: 038180025435 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0369857273

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**840,0**			**37.800.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	54,0	840,0	LUC	840,0	45.000	1,0	37.800.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	54,0	840,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**102.600.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					840,0	45.000	2,0	75.600.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					71,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**140.400.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

17. Mai Thị Loan

Số căn cước công dân: 038146001313 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0375678716

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**905,3**			**40.738.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	175,0	905,3	LUC	627,7	45.000	1,0	28.246.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	175,0	905,3	LUC	277,6	45.000	1,0	12.492.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**81.477.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					905,3	45.000	2,0	81.477.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**122.215.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

18. Trần Văn Luyến

Số căn cước công dân: 038042005082 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0344196566

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.662,6**			**74.817.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	4,0	1.348,1	LUC	887,7	45.000	1,0	39.946.500	
		m²	10,0	266,0	314,5	LUC	0,3	45.000	1,0	13.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	4,0	1.348,1	LUC	460,4	45.000	1,0	20.718.000	
		m²	10,0	266,0	314,5	LUC	314,2	45.000	1,0	14.139.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**1.348,1**		**-**	**10.784.800**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					887,7	8.000		7.101.600	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					460,4	8.000		3.683.200	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**187.434.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.662,6	45.000	2,0	149.634.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					7,0	5.400.000		37.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					90,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**273.035.800**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

19. Trần Thị Lý (Minh)

Số căn cước công dân: 038174002461 Ngày cấp: 16/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0966216239

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**893,6**			**40.212.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	249,0	893,6	LUC	893,6	45.000	1,0	40.212.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	249,0	893,6	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**893,6**		**-**	**7.148.800**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					893,6	8.000		7.148.800	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**107.424.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					893,6	45.000	2,0	80.424.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					85,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**154.784.800**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

20. Nguyễn Ngọc Mai (Chết) - con trai Nguyễn Văn Bình đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038081019579 Ngày cấp: 17/12/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.737,0**			**78.165.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	203,0	1.737,0	LUC	1.737,0	45.000	1,0	78.165.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	203,0	1.737,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**183.330.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.737,0	45.000	2,0	156.330.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					75,7				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**261.495.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

21. Tô Thị Mãn

Số căn cước công dân: 038154010231 Ngày cấp: 16/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0969812806

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.699,1**			**76.459.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	72,0	1.387,3	LUC	1.387,3	45.000	1,0	62.428.500	
		m²	10,0	250,0	311,8	LUC	311,8	45.000	1,0	14.031.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	72,0	1.387,3	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	10,0	250,0	311,8	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**1.699,1**		**-**	**13.592.800**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					1.699,1	8.000		13.592.800	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**174.519.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.699,1	45.000	2,0	152.919.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					78,4				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**264.571.300**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

22. Lê Duy Mạnh

Số căn cước công dân: 038066002618 Ngày cấp: 04/06/2026 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.077,6**			**48.492.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	8,0	1.077,6	LUC	1.033,7	45.000	1,0	46.516.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	8,0	1.077,6	LUC	43,9	45.000	1,0	1.975.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**113.184.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.077,6	45.000	2,0	96.984.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					80,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**161.676.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

23. Đới Thị Mận

Số căn cước công dân: 038164028539 Ngày cấp: 21/08/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0355184862

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**2.133,0**			**95.985.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	40,0	787,0	LUC	787,0	45.000	1,0	35.415.000	
		m²	10,0	60,0	1.346,0	LUC	1.346,0	45.000	1,0	60.570.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	40,0	787,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	10,0	60,0	1.346,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**224.370.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					2.133,0	45.000	2,0	191.970.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					87,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**320.355.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

24. Hà Đức Nương

Số căn cước công dân: 038054017381 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0353062528

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**2.563,2**			**115.344.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	68,0	2.217,0	LUC	2.217,0	45.000	1,0	99.765.000	
		m²	10,0	238,0	214,4	LUC	214,4	45.000	1,0	9.648.000	
		m²	11,0	304,0	131,8	LUC	131,8	45.000	1,0	5.931.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	68,0	2.217,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	10,0	238,0	214,4	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	11,0	304,0	131,8	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**2.563,2**			**20.505.600**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					2.563,2	8.000		20.505.600	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**263.088.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					2.563,2	45.000	2,0	230.688.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					98,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**398.937.600**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

25. Phạm Thị Ngọ

Số căn cước công dân: 038173002564 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**623,0**			**28.035.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	36,0	623,0	LUC	623,0	45.000	1,0	28.035.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	36,0	623,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**83.070.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					623,0	45.000	2,0	56.070.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					77,4				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**111.105.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

26. Nguyễn Thị Ngọc

Số căn cước công dân: 038164019427 Ngày cấp: 28/02/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0359847918

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**800,6**			**36.027.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	42,0	800,6	LUC	800,6	45.000	1,0	36.027.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	42,0	800,6	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**88.254.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					800,6	45.000	2,0	72.054.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**124.281.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

27. Nguyễn Thị Ngon (chết) - Con trai Trần Văn Sâm đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038163005229 Ngày cấp: 23/11/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**905,0**			**40.725.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	153,0	905,0	LUC	905,0	45.000	1,0	40.725.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	153,0	905,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**81.450.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					905,0	45.000	2,0	81.450.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					87,4				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**122.175.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

28. Nguyễn Thị Phú (Chết) - con gái Đào Thị Xinh đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038173025308 Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0367991683

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**740,0**			**33.300.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	147,0	740,0	LUC	740,0	45.000	1,0	33.300.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	147,0	740,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**740,0**		**-**	**5.920.000**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					740,0	8.000		5.920.000	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**66.600.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					740,0	45.000	2,0	66.600.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					84,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**105.820.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

29. Nguyễn Thị Quang (Chết) - con trai Trần Văn Tráng đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038072041321 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0981110008

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**494,3**			**22.243.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	302,0	494,3	LUC	494,3	45.000	1,0	22.243.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	302,0	494,3	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**44.487.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					494,3	45.000	2,0	44.487.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**66.730.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

30. Trần Văn Sáu

Số căn cước công dân: 038070001435 Ngày cấp: 27/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0342911738

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.293,0**			**58.185.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	73,0	1.293,0	LUC	976,5	45.000	1,0	43.942.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	73,0	1.293,0	LUC	316,5	45.000	1,0	14.242.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**127.170.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.293,0	45.000	2,0	116.370.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					87,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**185.355.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

31. Lê Thị Sen

Số căn cước công dân: 038150024922 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0337231042

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.097,0**			**49.365.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	126,0	1.097,0	LUC	1.097,0	45.000	1,0	49.365.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	126,0	1.097,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**1.097,0**		**-**	**8.776.000**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					1.097,0	8.000		8.776.000	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**114.930.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.097,0	45.000	2,0	98.730.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					94,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**173.071.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

32. Trần Công Sót (Chết) - con trai Trần Công Trung đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 38078025366 Ngày cấp: 10/05/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0913857236

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**503,3**			**22.648.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	68,0	503,3	LUC	503,2	45.000	1,0	22.644.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	68,0	503,3	LUC	0,1	45.000	1,0	4.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**56.097.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					503,3	45.000	2,0	45.297.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					59,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**78.745.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

33. Nguyễn Văn Tại (Chết) - con trai Nguyễn Trường Xuân đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038071033279 Ngày cấp: 19/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0352247438

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**241,0**			**10.845.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	243,0	241,0	LUC	241,0	45.000	1,0	10.845.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	243,0	241,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**21.690.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					241,0	45.000	2,0	21.690.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**32.535.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

34. Hà Thanh Tâm

Số căn cước công dân: 038049008395 Ngày cấp: 19/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0977665269

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.563,4**			**70.353.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	180,0	1.563,4	LUC	1.563,4	45.000	1,0	70.353.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	180,0	1.563,4	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**173.106.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.563,4	45.000	2,0	140.706.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					93,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**243.459.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

35. Nguyễn Đức Toàn

Số căn cước công dân: 038075024509 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0906885000

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**442,9**			**19.930.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	179,0	442,9	LUC	308,1	45.000	1,0	13.864.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	179,0	442,9	LUC	134,8	45.000	1,0	6.066.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**			**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**39.861.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					442,9	45.000	2,0	39.861.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Nhân khẩu					5,0	0		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					25,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**59.791.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

36. Đới Thị Tụ

Số căn cước công dân: 038157024294 Ngày cấp: 15/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0901385288

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.355,1**			**60.979.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	61,0	1.729,9	LUC	1.355,1	45.000	1,0	60.979.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	61,0	1.729,9	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**			**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**143.559.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.355,1	45.000	2,0	121.959.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					70,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**204.538.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

37. Nguyễn Thanh Tuân

Số căn cước công dân: 038058025147 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.738,0**			**78.210.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	108,0	1.738,0	LUC	1.738,0	45.000	1,0	78.210.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	108,0	1.738,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**			**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**188.820.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.738,0	45.000	2,0	156.420.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					88,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**267.030.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

38. Trần Thị Thắm

Số căn cước công dân: 038163033278 Ngày cấp: 09/06/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

38

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.477,0**			**66.465.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	80,0	859,0	LUC	575,8	45.000	1,0	25.911.000	
		m²	10,0	195,0	618,0	LUC	618,0	45.000	1,0	27.810.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	80,0	859,0	LUC	283,2	45.000	1,0	12.744.000	
		m²	10,0	195,0	618,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**			**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**154.530.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.477,0	45.000	2,0	132.930.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					84,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**220.995.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

39. Hà Văn Thắng

Số căn cước công dân: 038047004933 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0978865407

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**2.074,9**			**93.370.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	201,0	1.388,0	LUC	1.388,0	45.000	1,0	62.460.000	
		m²	12,0	645,0	686,9	LUC	686,9	45.000	1,0	30.910.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	201,0	1.388,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	12,0	645,0	686,9	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**			**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**246.141.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					2.074,9	45.000	2,0	186.741.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					11,0	5.400.000		59.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					84,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**339.511.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

40. Lê Thị Thặng (Chết) - Con trai Trần Tất Chỉ đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038090038342 Ngày cấp: 21/09/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**906,0**			**40.770.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	42,0	906,0	LUC	906,0	45.000	1,0	40.770.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	42,0	906,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**			**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**81.540.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					906,0	45.000	2,0	81.540.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					87,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**122.310.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

41. Hoàng Văn Thiết

Số căn cước công dân: 038034001970 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0385783172

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.444,1**			**64.984.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	26,0	1.444,1	LUC	1.444,1	45.000	1,0	64.984.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	26,0	1.444,1	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**151.569.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.444,1	45.000	2,0	129.969.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					78,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**216.553.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

42. Nguyễn Thị Thịnh (Chết) - con gái Trần Thị Thao đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038169020808 Ngày cấp: 10/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0382048449

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.213,6**			**54.612.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	11,0	19,0	1.213,6	LUC	1.213,6	45.000	1,0	54.612.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	11,0	19,0	1.213,6	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**109.224.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.213,6	45.000	2,0	109.224.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					75,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**163.836.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

43. Trần Thị Mực

Số căn cước công dân: 038156018233 Ngày cấp: 11/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0363110532

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**349,7**			**15.736.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	247,0	349,7	LUC	349,7	45.000	1,0	15.736.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	247,0	349,7	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**31.473.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					349,7	45.000	2,0	31.473.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**47.209.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

44. Lê Thị Vượn

Số căn cước công dân: 038162025822 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Triều Công, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0961382856

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**328,7**			**14.791.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	10,0	18,0	328,7	LUC	328,7	45.000	1,0	14.791.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	10,0	18,0	328,7	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**34.983.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					328,7	45.000	2,0	29.583.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					1,0	5.400.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**49.774.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

45. Nguyễn Thị Ân

Số căn cước công dân: 038169014737 Ngày cấp: 05/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0326161946

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**700,0**			**31.500.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	430,0	700,0	LUC	396,3	45.000	1,0	17.833.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	430,0	700,0	LUC	303,7	45.000	1,0	13.666.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**68.400.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					700,0	45.000	2,0	63.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					1,0	5.400.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**99.900.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

46. Nguyễn Văn Bình (chết) - con trai Nguyễn Văn Minh đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038057011505 Ngày cấp: 15/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0968609359

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.354,0**			**60.930.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	71,0	1.354,0	LUC	1.354,0	45.000	1,0	60.930.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	71,0	1.354,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**121.860.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.354,0	45.000	2,0	121.860.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**182.790.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

47. Lê Minh Châu

Số căn cước công dân: 038047010974 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0914936467

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.030,8**			**46.386.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	350,0	1.978,0	LUC	1.030,8	45.000	1,0	46.386.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	350,0	1.978,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**106.272.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.030,8	45.000	2,0	92.772.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					5,0	2.700.000		13.500.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					43,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**152.658.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

48. Nguyễn Văn Chính

Số căn cước công dân: 038071012439 Ngày cấp: 15/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0336101467

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**315,7**			**14.206.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	338,0	797,0	LUC	315,7	45.000	1,0	14.206.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	338,0	797,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**39.213.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					315,7	45.000	2,0	28.413.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					30,4				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**53.419.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

49. Nguyễn Văn Chuyên (Môn)

Số căn cước công dân: 038071029699 Ngày cấp: 05/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0326161940

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**700,0**			**31.500.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	424,0	700,0	LUC	385,3	45.000	1,0	17.338.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	424,0	700,0	LUC	314,7	45.000	1,0	14.161.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**79.200.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					700,0	45.000	2,0	63.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**110.700.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

50. Hoàng Thị Dung

Số căn cước công dân: 038144003773 Ngày cấp: 14/9/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0367497236

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**830,0**			**37.350.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	480,0	830,0	LUC	589,0	45.000	1,0	26.505.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	480,0	830,0	LUC	241,0	45.000	1,0	10.845.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**96.300.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					830,0	45.000	2,0	74.700.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					77,4				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**133.650.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

51. Nguyễn Văn Đệ

Số căn cước công dân: 038050020115 Ngày cấp: 15/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 03773257187

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.784,2**			**80.289.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	475,0	1.001,0	LUC	1.001,0	45.000	1,0	45.045.000	
		m²	13,0	1.555,0	783,2	LUC	783,2	45.000	1,0	35.244.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	475,0	1.001,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	13,0	1.555,0	783,2	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**198.378.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.784,2	45.000	2,0	160.578.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					7,0	5.400.000		37.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**278.667.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

52. Đào Văn Hảo

Số căn cước công dân: 038030004327 Ngày cấp: 19/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**970,3**			**43.663.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	245,0	810,0	LUC	810,0	45.000	1,0	36.450.000	
		m²	12,0	1.082,0	160,3	LUC	160,3	45.000	1,0	7.213.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	245,0	810,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	12,0	1.082,0	160,3	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**114.327.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					970,3	45.000	2,0	87.327.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**157.990.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

53. Phạm Văn Hòng

Số căn cước công dân: 038058003363 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0973990068

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.637,2**			**73.674.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	131,0	1.637,2	LUC	1.633,0	45.000	1,0	73.485.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	131,0	1.637,2	LUC	4,2	45.000	1,0	189.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**190.548.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.637,2	45.000	2,0	147.348.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					8,0	5.400.000		43.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					79,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**264.222.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

54. Trần Thị Hồng

Số căn cước công dân: 038165027707 Ngày cấp: 17/9/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0328743308

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.416,0**			**63.720.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	83,0	1.416,0	LUC	1.416,0	45.000	1,0	63.720.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	83,0	1.416,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**138.240.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.416,0	45.000	2,0	127.440.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					80,4				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**201.960.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

55. Lê Viết Hồng

Số căn cước công dân: 038068037955 Ngày cấp: 06/03/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0971856436

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.065,4**			**47.943.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	296,0	1.200,0	LUC	1.065,4	45.000	1,0	47.943.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	296,0	1.200,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**139.086.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.065,4	45.000	2,0	95.886.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					8,0	5.400.000		43.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					77,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**187.029.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

56. Nguyễn Mậu Thành (chết) - vợ Nguyễn Thị Hồng đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038093012485 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0336009771

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.504,8**			**67.716.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	361,0	1.558,0	LUC	1.504,8	45.000	1,0	67.716.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	361,0	1.558,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**146.232.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.504,8	45.000	2,0	135.432.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					76,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**213.948.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

57. Bùi Thị Kỳ

Số căn cước công dân: 038156003167 Ngày cấp: 18/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**2.228,4**			**100.278.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	365,0	2.228,4	LUC	2.113,9	45.000	1,0	95.125.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	365,0	2.228,4	LUC	114,5	45.000	1,0	5.152.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**211.356.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					2.228,4	45.000	2,0	200.556.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**311.634.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

58. Nguyễn Thị Kham

Số căn cước công dân: 038133008838 Ngày cấp: 18/10/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0327055025

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**500,0**			**22.500.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	357,0	500,0	LUC	198,9	45.000	1,0	8.950.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	357,0	500,0	LUC	301,1	45.000	1,0	13.549.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**47.700.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					500,0	45.000	2,0	45.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					1,0	2.700.000		2.700.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					64,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**70.200.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

59. Hà Văn Khánh

Số căn cước công dân: 038080001342 Ngày cấp: 18/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0965914989

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**800,0**			**36.000.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	340,0	800,0	LUC	688,4	45.000	1,0	30.978.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	340,0	800,0	LUC	111,6	45.000	1,0	5.022.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**93.600.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					800,0	45.000	2,0	72.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**129.600.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

60. Trần Thị Lan

Số căn cước công dân: 038147012333 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0902608366

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.375,0**			**61.875.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	309,0	1.730,0	LUC	1.375,0	45.000	1,0	61.875.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	309,0	1.730,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**137.250.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.375,0	45.000	2,0	123.750.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					5,0	2.700.000		13.500.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					65,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**199.125.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

61. Nguyễn Thị Lan (chết) - con gái Lê Thị Hải đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038158019399 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0346947426

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**605,0**			**27.225.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	633,0	605,0	LUC	605,0	45.000	1,0	27.225.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	633,0	605,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**54.450.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					605,0	45.000	2,0	54.450.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					83,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**81.675.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

62. Nguyễn Thị Lan (Xế)

Số căn cước công dân: 038157012111 Ngày cấp: 27/10/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0919244259

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.612,0**			**72.540.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	281,0	1.112,0	LUC	1.112,0	45.000	1,0	50.040.000	
		m²	13,0	765,0	500,0	LUC	412,0	45.000	1,0	18.540.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	281,0	1.112,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	13,0	765,0	500,0	LUC	88,0	45.000	1,0	3.960.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**500,0**		**-**	**4.000.000**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					412,0	8.000		3.296.000	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					88,0	8.000		704.000	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**172.080.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.612,0	45.000	2,0	145.080.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					96,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**248.620.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

63. Nguyễn Văn Long (Tiện)

Số căn cước công dân: 038072036794 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0383988623

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.849,0**			**83.205.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	407,0	1.849,0	LUC	1.849,0	45.000	1,0	83.205.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	407,0	1.849,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**177.210.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.849,0	45.000	2,0	166.410.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					64,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**260.415.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

64. Nguyễn Văn Long (Nam)

Số căn cước công dân: 038073013935 Ngày cấp: 15/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**830,0**			**37.350.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	1.528,0	830,0	LUC	830,0	45.000	1,0	37.350.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	1.528,0	830,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**117.900.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					830,0	45.000	2,0	74.700.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					8,0	5.400.000		43.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**155.250.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

65. Trần Thị Luật

Số căn cước công dân: 038143005090 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0372737273

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.583,2**			**71.244.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	295,0	1.914,0	LUC	1.480,2	45.000	1,0	66.609.000	
		m²	13,0	1.090,0	103,0	LUC	103,0	45.000	1,0	4.635.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	295,0	1.914,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	13,0	1.090,0	103,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**147.888.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.583,2	45.000	2,0	142.488.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					1,0	5.400.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					78,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**219.132.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

66. Lê Trọng Mạnh (chết) - vợ Đào Thị Thảo đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038154002323 Ngày cấp: 25/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 09866877836

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.361,5**			**61.267.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	490,0	1.326,4	LUC	1.107,5	45.000	1,0	49.837.500	
		m²	13,0	1.180,0	254,0	LUC	254,0	45.000	1,0	11.430.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	490,0	1.326,4	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	13,0	1.180,0	254,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**149.535.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.361,5	45.000	2,0	122.535.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					84,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**210.802.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

67. Lê Trọng Nghĩa

Số căn cước công dân: 038065032515 Ngày cấp: 09/03/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0374584660

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.375,0**			**61.875.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	87,0	1.375,0	LUC	1.375,0	45.000	1,0	61.875.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	87,0	1.375,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**172.350.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.375,0	45.000	2,0	123.750.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					9,0	5.400.000		48.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					87,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**234.225.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

68. Nguyễn Văn Nhàn (chết) - con trai Nguyễn Văn Cành đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038073027084 Ngày cấp: 15/8/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0386900356

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**665,6**			**29.952.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	302,0	837,0	LUC	665,6	45.000	1,0	29.952.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	302,0	837,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**76.104.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					665,6	45.000	2,0	59.904.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					71,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**106.056.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

69. Lê Hữu Nhi (chết) - con dâu Nguyễn Thị Hạnh đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038164029062 Ngày cấp: 11/12/2024 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0349949242

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**2.160,1**			**97.204.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	84,0	2.160,1	LUC	2.160,1	45.000	1,0	97.204.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	84,0	2.160,1	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**194.409.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					2.160,1	45.000	2,0	194.409.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					-	5.400.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					85,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**291.613.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

70. Trần Công Quyền

Số căn cước công dân: 038066003504 Ngày cấp: 25/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0327458883

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**469,0**			**21.105.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	364,0	469,0	LUC	219,6	45.000	1,0	9.882.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	364,0	469,0	LUC	249,4	45.000	1,0	11.223.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**58.410.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					469,0	45.000	2,0	42.210.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					94,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**79.515.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

71. Đào Ngọc Quỳnh

Số căn cước công dân: 038041005292 Ngày cấp: 09/5/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0399993185

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**861,2**			**38.754.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	409,0	1.584,0	LUC	861,2	45.000	1,0	38.754.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	409,0	1.584,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**96.408.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					861,2	45.000	2,0	77.508.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					7,0	2.700.000		18.900.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					43,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**135.162.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

72. Hoàng Thị Sen (chết) - con trai Hoàng Văn Dũng đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038081016449 Ngày cấp: 21/06/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0365396436

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.304,1**			**58.684.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	434,0	1.575,0	LUC	1.304,1	45.000	1,0	58.684.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	434,0	1.575,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**144.369.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.304,1	45.000	2,0	117.369.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					90,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**203.053.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

73. Phạm Văn Sơn

Số căn cước công dân: 038069031209 Ngày cấp: 31/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0346211277

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.379,7**			**62.086.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	100,0	1.461,0	LUC	1.379,7	45.000	1,0	62.086.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	100,0	1.461,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**151.173.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.379,7	45.000	2,0	124.173.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					83,4				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**213.259.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

74. Đới Thị Toán

Số căn cước công dân: 038163014013 Ngày cấp: 22/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0379725320

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.900,0**			**85.500.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	1.543,0	1.900,0	LUC	1.900,0	45.000	1,0	85.500.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	1.543,0	1.900,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**198.000.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.900,0	45.000	2,0	171.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**283.500.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

75. Nguyễn Thị Tuyết

Số căn cước công dân: 038156008904 Ngày cấp: 05/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.668,0**			**75.060.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	435,0	1.668,0	LUC	1.668,0	45.000	1,0	75.060.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	435,0	1.668,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**155.520.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.668,0	45.000	2,0	150.120.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					1,0	5.400.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					88,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**230.580.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

76. Lê Đình Tư

Số căn cước công dân: 038066028645 Ngày cấp: 15/5/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0966213084

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.417,0**			**63.765.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	140,0	1.417,0	LUC	1.417,0	45.000	1,0	63.765.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	140,0	1.417,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**165.330.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.417,0	45.000	2,0	127.530.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					7,0	5.400.000		37.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					94,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**229.095.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

77. Nguyễn Thị Thanh

Số căn cước công dân: 038166029141 Ngày cấp: 09/5/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0977964828

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.495,0**			**67.275.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	79,0	1.495,0	LUC	1.089,7	45.000	1,0	49.036.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	79,0	1.495,0	LUC	405,3	45.000	1,0	18.238.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**139.950.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.495,0	45.000	2,0	134.550.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					1,0	5.400.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					82,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**207.225.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

78. Nguyễn Mạnh Thành

Số căn cước công dân: 038071030134 Ngày cấp: 15/8/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0971414172

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.207,0**			**54.315.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	154,0	1.207,0	LUC	1.207,0	45.000	1,0	54.315.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	154,0	1.207,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**146.430.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.207,0	45.000	2,0	108.630.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					7,0	5.400.000		37.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					85,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**200.745.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

79. Đào Văn Thành (Toàn)

Số căn cước công dân: 038065029419 Ngày cấp: 22/08/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0987238828

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**318,1**			**14.314.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	437,0	661,7	LUC	318,1	45.000	1,0	14.314.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	437,0	661,7	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**42.129.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					318,1	45.000	2,0	28.629.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					5,0	2.700.000		13.500.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					48,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**56.443.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

80. Nguyễn Văn Thảo

Số căn cước công dân: 038052018836 Ngày cấp: 15/8/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0986835893

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.683,0**			**75.735.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	764,0	1.683,0	LUC	1.654,7	45.000	1,0	74.461.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	764,0	1.683,0	LUC	28,3	45.000	1,0	1.273.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**162.270.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.683,0	45.000	2,0	151.470.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					93,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**238.005.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

81. Nguyễn Mậu Thìn (chết) - vợ Hà Thị Tường đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038164011198 Ngày cấp: 19/12/2024 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0911965340

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.529,1**			**68.809.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	760,0	1.529,1	LUC	1.302,6	45.000	1,0	58.617.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	760,0	1.529,1	LUC	226,5	45.000	1,0	10.192.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**159.219.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.529,1	45.000	2,0	137.619.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					93,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**228.028.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

82. Đào Văn Thu

Số căn cước công dân: 038065039690 Ngày cấp: 01/06/2026 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**693,8**			**31.221.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	54,0	693,8	LUC	693,8	45.000	1,0	31.221.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	54,0	693,8	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**89.442.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					693,8	45.000	2,0	62.442.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**120.663.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

83. Trần Thị Thương

Số căn cước công dân: 038160012894 Ngày cấp: 27/03/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0941068243

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.300,0**			**58.500.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	417,0	1.300,0	LUC	1.300,0	45.000	1,0	58.500.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	417,0	1.300,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**154.800.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.300,0	45.000	2,0	117.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					7,0	5.400.000		37.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					83,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**213.300.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

84. Nguyễn Thị Vẻ

Số căn cước công dân: 038136000354 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0815121283

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.630,9**			**73.390.500**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	232,0	1.630,9	LUC	1.630,9	45.000	1,0	73.390.500	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	232,0	1.630,9	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**173.781.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.630,9	45.000	2,0	146.781.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					90,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**247.171.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

85. Bùi Ngọc Vinh

Số căn cước công dân: 038068000854 Ngày cấp: 28/6/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.200,0**			**54.000.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	47,0	1.200,0	LUC	1.200,0	45.000	1,0	54.000.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	47,0	1.200,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**129.600.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.200,0	45.000	2,0	108.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					93,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**183.600.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

86. Lê Hữu Bắc

Số căn cước công dân: 038071031701 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.060,0**			**47.700.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	12,0	52,0	1.060,0	LUC	1.060,0	45.000	1,0	47.700.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	12,0	52,0	1.060,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**111.600.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.060,0	45.000	2,0	95.400.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**159.300.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

87. Nguyễn Văn Thân

Số căn cước công dân: 038075011301 Ngày cấp: 01/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0969407217

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**338,0**			**15.210.000**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	1.562,0	338,0	LUC	338,0	45.000	1,0	15.210.000	
	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	1.562,0	338,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**46.620.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					338,0	45.000	2,0	30.420.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**61.830.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

88. Phạm Xuân Chính (Hỷ)

Số căn cước công dân: 038048008945 Ngày cấp: 12/8/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Phường An Lạc, TP Hồ Chí Minh

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0935578508

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.739,9**			**78.295.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	1.556,0	814,7	LUC	814,7	45.000	1,0	36.661.500	
		m²	13,0	1.565,0	925,2	LUC	925,2	45.000	1,0	41.634.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	1.556,0	814,7	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	13,0	1.565,0	925,2	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**183.591.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.739,9	45.000	2,0	156.591.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					94,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**261.886.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

89. Nguyễn Mậu Dũng

Số căn cước công dân: 038087002827 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0964052930

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**545,6**			**24.552.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	13,0	542,0	330,0	LUC	330,0	45.000	1,0	14.850.000	
		m²	12,0	1.079,0	109,5	LUC	109,5	45.000	1,0	4.927.500	
		m²	12,0	1.081,0	106,1	LUC	106,1	45.000	1,0	4.774.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	13,0	542,0	330,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	12,0	1.079,0	109,5	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	12,0	1.081,0	106,1	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**330,0**		**-**	**2.640.000**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					330,0	8.000		2.640.000	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**70.704.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					545,6	45.000	2,0	49.104.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**97.896.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

90. Tô Vũ Hùng

Số căn cước công dân: 038074095776 Ngày cấp: 05/10/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0374572763

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**567,0**			**25.515.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	67,0	567,0	LUC	542,4	45.000	1,0	24.408.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	67,0	567,0	LUC	24,6	45.000	1,0	1.107.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**78.030.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					567,0	45.000	2,0	51.030.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**103.545.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

91. Đào Văn An

Số căn cước công dân: 038079003827 Ngày cấp: 10/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0368481979

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**842,9**			**37.930.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	44,0	842,9	LUC	765,4	45.000	1,0	34.443.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	44,0	842,9	LUC	77,5	45.000	1,0	3.487.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**102.861.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					842,9	45.000	2,0	75.861.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**140.791.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

92. Đào Văn Ba

Số căn cước công dân: 038074021662 Ngày cấp: 04/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0985632921

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.093,0**			**49.185.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	46,0	1.093,0	LUC	999,3	45.000	1,0	44.968.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	46,0	1.093,0	LUC	93,7	45.000	1,0	4.216.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**136.170.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.093,0	45.000	2,0	98.370.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					7,0	5.400.000		37.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**185.355.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

93. Nguyễn Văn Bảy

Số căn cước công dân: 038081003788 Ngày cấp: 21/02/2024 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0972791320

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**812,2**			**36.549.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	26,0	812,2	LUC	666,0	45.000	1,0	29.970.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	26,0	812,2	LUC	146,2	45.000	1,0	6.579.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**89.298.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					812,2	45.000	2,0	73.098.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**125.847.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

94. Kiều Văn Biên

Số căn cước công dân: 038074018970 Ngày cấp: 21/01/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0962070649

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**500,6**			**22.527.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	39,0	500,6	LUC	359,7	45.000	1,0	16.186.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	39,0	500,6	LUC	140,9	45.000	1,0	6.340.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**55.854.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					500,6	45.000	2,0	45.054.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					34,7				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**78.381.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

95. Đào Văn Bính

Số căn cước công dân: 038083002343 Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0972953940

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**788,3**			**35.473.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	35,0	788,3	LUC	689,6	45.000	1,0	31.032.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	35,0	788,3	LUC	98,7	45.000	1,0	4.441.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**97.947.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					788,3	45.000	2,0	70.947.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**133.420.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

96. Kiều Văn Bình

Số căn cước công dân: 038062011272 Ngày cấp: 07/01/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0366905744

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**900,7**			**40.531.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	41,0	900,7	LUC	801,3	45.000	1,0	36.058.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	41,0	900,7	LUC	99,4	45.000	1,0	4.473.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**91.863.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					900,7	45.000	2,0	81.063.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**132.394.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

97. Đào Văn Biện (chết) - con trai Đào Văn Thấy đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038056018427 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0329778526

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**570,5**			**25.672.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	5,0	570,5	LUC	107,0	45.000	1,0	4.815.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	5,0	570,5	LUC	463,5	45.000	1,0	20.857.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**51.345.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					570,5	45.000	2,0	51.345.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					-	2.700.000		-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					61,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**77.017.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

98. Đào Văn Thủy (Oanh)

Số căn cước công dân: 038067019033 Ngày cấp: 22/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.737,0**			**78.165.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	49,0	1.737,0	LUC	1.737,0	45.000	1,0	78.165.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	49,0	1.737,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**188.730.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.737,0	45.000	2,0	156.330.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					80,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**266.895.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

99. Hồ Tấn Đặt (chết) - vợ Bùi Thị Sử đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038160016030 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**569,0**			**25.605.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	59,0	569,0	LUC	562,7	45.000	1,0	25.321.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	59,0	569,0	LUC	6,3	45.000	1,0	283.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**57.960.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					569,0	45.000	2,0	51.210.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Nhân khẩu					5,0	1.350.000		6.750.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					27,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**83.565.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

100. Đào Thị Trường

Số căn cước công dân: 038163026705 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**740,1**			**33.304.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	10,0	740,1	LUC	601,5	45.000	1,0	27.067.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	10,0	740,1	LUC	138,6	45.000	1,0	6.237.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**88.209.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					740,1	45.000	2,0	66.609.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					8,0	2.700.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					69,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**121.513.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

101. Đào Thị Đính

Số căn cước công dân: 038157026498 Ngày cấp: 20/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0973372071

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.470,7**			**66.181.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	36,0	704,4	LUC	505,4	45.000	1,0	22.743.000	
		m²	23,0	36,0	766,3	LUC	667,8	45.000	1,0	30.051.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	36,0	704,4	LUC	199,0	45.000	1,0	8.955.000	
		m²	23,0	36,0	766,3	LUC	98,5	45.000	1,0	4.432.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**137.763.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.470,7	45.000	2,0	132.363.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					2,0	2.700.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					55,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**203.944.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

102. Nguyễn Bá Dưỡng

Số căn cước công dân: 038066025316 Ngày cấp: 20/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0978515708

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**754,3**			**33.943.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	35,0	754,3	LUC	540,9	45.000	1,0	24.340.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	35,0	754,3	LUC	213,4	45.000	1,0	9.603.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**84.087.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					754,3	45.000	2,0	67.887.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**118.030.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

103. Nguyễn Thị Gái

Số căn cước công dân: 038159016171 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0974962117

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.151,5**			**51.817.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	57,0	365,8	LUC	365,8	45.000	1,0	16.461.000	
		m²	23,0	27,0	785,7	LUC	650,5	45.000	1,0	29.272.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	57,0	365,8	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	23,0	27,0	785,7	LUC	135,2	45.000	1,0	6.084.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**133.335.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.151,5	45.000	2,0	103.635.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					11,0	2.700.000		29.700.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					53,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**185.152.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

104. Nguyễn Văn Giới (chết) - vợ Nguyễn Thị Chung đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038171008636 Ngày cấp: 04/02/2020 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0396916066

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.508,0**			**67.860.000,0**	**-**
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	42,0	364,9	LUC	364,9	45.000	1,0	16.420.500	
		m²	23,0	15,0	776,8	LUC	597,6	45.000	1,0	26.892.000	
		m²	23,0	22,0	366,3	LUC	366,3	45.000	1,0	16.483.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	42,0	364,9	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	23,0	15,0	776,8	LUC	179,2	45.000	1,0	8.064.000	
		m²	23,0	22,0	366,3	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**143.820.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.508,0	45.000	2,0	135.720.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					3,0	2.700.000		8.100.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					52,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**211.680.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

105. Lê Thị Hải

Số căn cước công dân: 038161015034 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**566,6**			**25.497.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	65,0	566,6	LUC	547,0	45.000	1,0	24.615.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	65,0	566,6	LUC	19,6	45.000	1,0	882.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**56.394.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					566,6	45.000	2,0	50.994.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					2,0	2.700.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					31,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**81.891.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

106. Uông Thị Hiếu

Số căn cước công dân: 038146001144 Ngày cấp: 15/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0977658196

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**898,9**			**40.450.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	11,0	329,8	LUC	6,6	45.000	1,0	297.000	
		m²	23,0	62,0	569,1	LUC	556,1	45.000	1,0	25.024.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	11,0	329,8	LUC	323,2	45.000	1,0	14.544.000	
		m²	23,0	62,0	569,1	LUC	13,0	45.000	1,0	585.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**107.901.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					898,9	45.000	2,0	80.901.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					10,0	2.700.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					35,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**148.351.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

107. Đào Văn Hoan

Số căn cước công dân: 038063033117 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0363267023

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.041,9**			**46.885.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	53,0	332,6	LUC	332,6	45.000	1,0	14.967.000	
		m²	23,0	30,0	709,3	LUC	589,6	45.000	1,0	26.532.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	53,0	332,6	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	23,0	30,0	709,3	LUC	119,7	45.000	1,0	5.386.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**107.271.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.041,9	45.000	2,0	93.771.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					5,0	2.700.000		13.500.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					48,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**154.156.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

108. Đào Văn Hoạt

Số căn cước công dân: 038056002356 Ngày cấp: 30/05/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0357503156

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**811,4**			**36.513.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	29,0	294,0	LUC	281,2	45.000	1,0	12.654.000	
		m²	23,0	61,0	517,4	LUC	507,7	45.000	1,0	22.846.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	29,0	294,0	LUC	12,8	45.000	1,0	576.000	
		m²	23,0	61,0	517,4	LUC	9,7	45.000	1,0	436.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**78.426.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					811,4	45.000	2,0	73.026.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					2,0	2.700.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					40,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**114.939.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

109. Đào Văn Hơn

Số căn cước công dân: 038064034611 Ngày cấp: 10/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0335767792

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**805,7**			**36.256.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	14,0	291,7	LUC	160,2	45.000	1,0	7.209.000	
		m²	23,0	63,0	514,0	LUC	500,2	45.000	1,0	22.509.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	14,0	291,7	LUC	131,5	45.000	1,0	5.917.500	
		m²	23,0	63,0	514,0	LUC	13,8	45.000	1,0	621.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**94.113.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					805,7	45.000	2,0	72.513.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					8,0	2.700.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					45,4				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**130.369.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

110. Lê Thiên Huệ (chết) - vợ Uông Thị Mặn đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038149017945 Ngày cấp: 17/06/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0358687450

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**634,7**			**28.561.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	66,0	634,7	LUC	610,0	45.000	1,0	27.450.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	66,0	634,7	LUC	24,7	45.000	1,0	1.111.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**67.923.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					634,7	45.000	2,0	57.123.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					37,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**96.484.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

111. Đào Văn Hùng

Số căn cước công dân: 038067018201 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0353701863

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.412,6**			**63.567.000,0**	**-**
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	18,0	364,8	LUC	313,5	45.000	1,0	14.107.500	
		m²	23,0	12,0	682,7	LUC	549,9	45.000	1,0	24.745.500	
		m²	23,0	25,0	365,1	LUC	365,1	45.000	1,0	16.429.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	18,0	364,8	LUC	51,3	45.000	1,0	2.308.500	
		m²	23,0	12,0	682,7	LUC	132,8	45.000	1,0	5.976.000	
		m²	23,0	25,0	365,1	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**146.034.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.412,6	45.000	2,0	127.134.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					7,0	2.700.000		18.900.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					43,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**209.601.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

112. Đào Văn Hương

Số căn cước công dân: 038076032741 Ngày cấp: 28/02/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0388161428

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**946,5**			**42.592.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	45,0	946,5	LUC	864,5	45.000	1,0	38.902.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	45,0	946,5	LUC	82,0	45.000	1,0	3.690.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**128.385.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					946,5	45.000	2,0	85.185.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					8,0	5.400.000		43.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**170.977.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

113. Nguyễn Văn Khánh (chết) - vợ Lê Thị Được đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038158018235 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0348597108

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.233,4**			**55.503.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	43,0	362,7	LUC	362,7	45.000	1,0	16.321.500	
		m²	23,0	14,0	870,7	LUC	686,7	45.000	1,0	30.901.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	43,0	362,7	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	23,0	14,0	870,7	LUC	184,0	45.000	1,0	8.280.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**127.206.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.233,4	45.000	2,0	111.006.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					6,0	2.700.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					56,7				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**182.709.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

114. Đào Trọng Khương

Số căn cước công dân: 038089004899 Ngày cấp: 26/02/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0973418471

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**742,5**			**33.412.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	40,0	742,5	LUC	533,7	45.000	1,0	24.016.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	40,0	742,5	LUC	208,8	45.000	1,0	9.396.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**88.425.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					742,5	45.000	2,0	66.825.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**121.837.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

115. Đào Thị Kim

Số căn cước công dân: 038164009440 Ngày cấp: 17/02/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0374629423

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**779,1**			**35.059.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	42,0	779,1	LUC	697,8	45.000	1,0	31.401.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	42,0	779,1	LUC	81,3	45.000	1,0	3.658.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**80.919.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					779,1	45.000	2,0	70.119.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					2,0	5.400.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**115.978.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

116. Đào Văn Kỳ

Số căn cước công dân: 038073018766 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0963212505

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**407,2**			**18.324.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	21,0	407,2	LUC	291,7	45.000	1,0	13.126.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	21,0	407,2	LUC	115,5	45.000	1,0	5.197.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**47.448.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					407,2	45.000	2,0	36.648.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					38,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**65.772.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

117. Tô Thị Lắm

Số căn cước công dân: 038162015914 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0362978371

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**602,5**			**27.112.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	27,0	602,5	LUC	429,7	45.000	1,0	19.336.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	27,0	602,5	LUC	172,8	45.000	1,0	7.776.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**75.825.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					602,5	45.000	2,0	54.225.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					77,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**102.937.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

118. Nguyễn Thị Lan

Số căn cước công dân: 038171012969 Ngày cấp: 22/04/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0348011898

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**368,9**			**16.600.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	11,0	368,9	LUC	299,3	45.000	1,0	13.468.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	11,0	368,9	LUC	69,6	45.000	1,0	3.132.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**49.401.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					368,9	45.000	2,0	33.201.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					6,0	2.700.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					40,7				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**66.001.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

119. Đào Thị Lên

Số căn cước công dân: 038152024011 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0384412238

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.274,8**			**57.366.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	48,0	910,9	LUC	854,6	45.000	1,0	38.457.000	
		m²	23,0	71,0	363,9	LUC	363,9	45.000	1,0	16.375.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	48,0	910,9	LUC	56,3	45.000	1,0	2.533.500	
		m²	23,0	71,0	363,9	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**147.132.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.274,8	45.000	2,0	114.732.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**204.498.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

120. Đào Thị Liệu

Số căn cước công dân: 038159004918 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0984427072

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**701,6**			**31.572.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	9,0	701,6	LUC	574,0	45.000	1,0	25.830.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	9,0	701,6	LUC	127,6	45.000	1,0	5.742.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**79.344.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					701,6	45.000	2,0	63.144.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					6,0	2.700.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					36,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**110.916.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

121. Kiều Văn Long

Số căn cước công dân: 038071032662 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Sô điện thoại của người có đất thu hồi: 0935992894

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**618,5**			**27.832.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	26,0	618,5	LUC	445,4	45.000	1,0	20.043.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	26,0	618,5	LUC	173,1	45.000	1,0	7.789.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**98.865.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					618,5	45.000	2,0	55.665.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					8,0	5.400.000		43.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**126.697.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

122. Đào Văn Mày

Số căn cước công dân: 038049007830 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0346168363

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**996,6**			**44.847.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	30,0	329,0	LUC	329,0	45.000	1,0	14.805.000	
		m²	23,0	34,0	667,6	LUC	582,1	45.000	1,0	26.194.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	30,0	329,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	23,0	34,0	667,6	LUC	85,5	45.000	1,0	3.847.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**111.294.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					996,6	45.000	2,0	89.694.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					77,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**156.141.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

123. Đào Văn Minh

Số căn cước công dân: 038086045641 Ngày cấp: 28/02/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0349887595

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**740,5**			**33.322.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	32,0	740,5	LUC	621,5	45.000	1,0	27.967.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	32,0	740,5	LUC	119,0	45.000	1,0	5.355.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**93.645.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					740,5	45.000	2,0	66.645.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					5,0	5.400.000		27.000.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**126.967.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

124. Đào Văn Nam

Số căn cước công dân: 038075017387 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0359368214

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**742,5**			**33.412.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	13,0	742,5	LUC	590,7	45.000	1,0	26.581.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	13,0	742,5	LUC	151,8	45.000	1,0	6.831.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**74.925.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					742,5	45.000	2,0	66.825.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					3,0	2.700.000		8.100.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					61,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**108.337.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

125. Đào Văn Nga

Số căn cước công dân: 038069031141 Ngày cấp: 16/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Sô điện thoại của người có đất thu hồi: 0977228386

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.085,1**			**48.829.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	45,0	363,6	LUC	363,6	45.000	1,0	16.362.000	
		m²	23,0	18,0	721,5	LUC	540,5	45.000	1,0	24.322.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	45,0	363,6	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	23,0	18,0	721,5	LUC	181,0	45.000	1,0	8.145.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**119.259.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.085,1	45.000	2,0	97.659.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					8,0	2.700.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					48,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**168.088.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

126. Đào Văn Ngọc

Số căn cước công dân: 038086035397 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0963249332

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**532,7**			**23.971.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	16,0	532,7	LUC	391,9	45.000	1,0	17.635.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	16,0	532,7	LUC	140,8	45.000	1,0	6.336.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²						8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**80.343.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					532,7	45.000	2,0	47.943.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**104.314.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

127. Đào Văn Nguyên

Số căn cước công dân: 038182011643 Ngày cấp: 02/08/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Thượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0386546077

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**532,5**			**23.962.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	64,0	532,5	LUC	516,2	45.000	1,0	23.229.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	64,0	532,5	LUC	16,3	45.000	1,0	733.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**54.675.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					532,5	45.000	2,0	47.925.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Nhân khẩu					5,0	1.350.000		6.750.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					21,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**78.637.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

128. Đào Văn Nguyện

Số căn cước công dân: 038069023142 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0389680506

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**668,0**			**30.060.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	15,0	334,0	LUC	23,1	45.000	1,0	1.039.500	
		m²	23,0	24,0	334,0	LUC	334,0	45.000	1,0	15.030.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	15,0	334,0	LUC	310,9	45.000	1,0	13.990.500	
		m²	23,0	24,0	334,0	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**79.020.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					668,0	45.000	2,0	60.120.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					7,0	2.700.000		18.900.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					36,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**109.080.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

129. Đào Văn Nhị

Số căn cước công dân: 038066002568 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0989571252

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**761,6**			**34.272.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	20,0	407,4	LUC	291,9	45.000	1,0	13.135.500	
		m²	22,0	46,0	354,2	LUC	354,2	45.000	1,0	15.939.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	20,0	407,4	LUC	115,5	45.000	1,0	5.197.500	
		m²	22,0	46,0	354,2	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**76.644.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					761,6	45.000	2,0	68.544.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					3,0	2.700.000		8.100.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					37,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**110.916.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

130. Bùi Ngọc Nội

Số căn cước công dân: 038049006946 Ngày cấp: 12/06/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0949720628

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**715,1**			**32.179.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	17,0	715,1	LUC	541,3	45.000	1,0	24.358.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	17,0	715,1	LUC	173,8	45.000	1,0	7.821.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**77.859.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					715,1	45.000	2,0	64.359.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					5,0	2.700.000		13.500.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					66,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**110.038.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

131. Nguyễn Văn Nội

Số căn cước công dân: 038044000950 Ngày cấp: 28/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Sô điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**624,6**			**28.107.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	70,0	624,6	LUC	589,6	45.000	1,0	26.532.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	70,0	624,6	LUC	35,0	45.000	1,0	1.575.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**72.414.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					624,6	45.000	2,0	56.214.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					6,0	2.700.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					55,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**100.521.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

132. Đào Văn Nuôi (chết) - vợ Phạm Thị Tâm đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038154004300 Ngày cấp: 10/07/2019 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Sô điện thoại của người có đất thu hồi: 0977650780

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**517,4**			**23.283.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	60,0	517,4	LUC	509,6	45.000	1,0	22.932.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	60,0	517,4	LUC	7,8	45.000	1,0	351.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**62.766.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					517,4	45.000	2,0	46.566.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					6,0	2.700.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					34,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**86.049.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

133. Đào Văn Quang

Số căn cước công dân: 038079006238 Ngày cấp: 28/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0975395635

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**615,2**			**27.684.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	24,0	615,2	LUC	440,8	45.000	1,0	19.836.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	24,0	615,2	LUC	174,4	45.000	1,0	7.848.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**76.968.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					615,2	45.000	2,0	55.368.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**104.652.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

134. Nguyễn Văn Quyền

Số căn cước công dân: 038166029302 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**884,5**			**39.802.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	32,0	329,3	LUC	329,3	45.000	1,0	14.818.500	
		m²	23,0	56,0	555,2	LUC	555,1	45.000	1,0	24.979.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	32,0	329,3	LUC	-	45.000	1,0	-	
		m²	23,0	56,0	555,2	LUC	0,1	45.000	1,0	4.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**93.105.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					884,5	45.000	2,0	79.605.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					5,0	2.700.000		13.500.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					44,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**132.907.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

135. Đào Văn Sáng

Số căn cước công dân: 038072049142 Ngày cấp: 16/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0376565473

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**341,6**			**15.372.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	22,0	341,6	LUC	245,8	45.000	1,0	11.061.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	22,0	341,6	LUC	95,8	45.000	1,0	4.311.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**46.944.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					341,6	45.000	2,0	30.744.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**62.316.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

136. Đào Văn Tân

Số căn cước công dân: 038072001372 Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0988603572

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**733,5**			**33.007.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	38,0	733,5	LUC	526,7	45.000	1,0	23.701.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	38,0	733,5	LUC	206,8	45.000	1,0	9.306.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**87.615.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					733,5	45.000	2,0	66.015.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**120.622.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

137. Đào Xuân Thành

Số căn cước công dân: 038059003775 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0329138676

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**928,4**			**41.778.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	7,0	361,1	LUC	6,9	45.000	1,0	310.500	
		m²	23,0	69,0	567,3	LUC	537,9	45.000	1,0	24.205.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	7,0	361,1	LUC	354,2	45.000	1,0	15.939.000	
		m²	23,0	69,0	567,3	LUC	29,4	45.000	1,0	1.323.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**121.356.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					928,4	45.000	2,0	83.556.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					7,0	5.400.000		37.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**163.134.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

138. Đào Văn Thấy

Số căn cước công dân: 038056018427 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0329778526

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.556,0**			**70.020.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	6,0	685,4	LUC	674,4	45.000	1,0	30.348.000	
		m²	23,0	20,0	870,6	LUC	653,9	45.000	1,0	29.425.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	6,0	685,4	LUC	11,0	45.000	1,0	495.000	
		m²	23,0	20,0	870,6	LUC	216,7	45.000	1,0	9.751.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**156.240.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.556,0	45.000	2,0	140.040.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**226.260.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

139. Đào Văn Thêm (chết) - vợ Nguyễn Thị Vĩnh đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038166002332 Ngày cấp: 06/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0988382936

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.028,6**			**46.287.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	47,0	1.028,6	LUC	948,5	45.000	1,0	42.682.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	47,0	1.028,6	LUC	80,1	45.000	1,0	3.604.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**100.674.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.028,6	45.000	2,0	92.574.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					3,0	2.700.000		8.100.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					48,7				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**146.961.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

140. Đào Trọng Thìn

Số căn cước công dân: 038086050008 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**732,5**			**32.962.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	37,0	732,5	LUC	525,7	45.000	1,0	23.656.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	37,0	732,5	LUC	206,8	45.000	1,0	9.306.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**98.325.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					732,5	45.000	2,0	65.925.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**131.287.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

141. Hoàng Văn Thu (chết) - vợ Kiều Thị Miện đang quản lý sử dụng

Số căn cước công dân: 038152009387 Ngày cấp: 03/06/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0911679588

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**603,9**			**27.175.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	68,0	603,9	LUC	575,1	45.000	1,0	25.879.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	68,0	603,9	LUC	28,8	45.000	1,0	1.296.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**65.151.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					603,9	45.000	2,0	54.351.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					48,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**92.326.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

142. Đào Văn Thức

Số căn cước công dân: 038089004379 Ngày cấp: 11/01/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0973632307

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.741,2**			**78.354.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	28,0	628,4	LUC	456,3	45.000	1,0	20.533.500	
		m²	23,0	39,0	1.112,8	LUC	975,1	45.000	1,0	43.879.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	28,0	628,4	LUC	172,1	45.000	1,0	7.744.500	
		m²	23,0	39,0	1.112,8	LUC	137,7	45.000	1,0	6.196.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**167.508.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.741,2	45.000	2,0	156.708.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					55,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**245.862.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

143. Đào Văn Thuỷ (Lý)

Số căn cước công dân: 38066008992 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0375464875

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.048,1**			**47.164.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	4,0	362,8	LUC	45,8	45.000	1,0	2.061.000	
		m²	23,0	19,0	685,3	LUC	532,2	45.000	1,0	23.949.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	4,0	362,8	LUC	317,0	45.000	1,0	14.265.000	
		m²	23,0	19,0	685,3	LUC	153,1	45.000	1,0	6.889.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**126.729.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.048,1	45.000	2,0	94.329.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					77,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**173.893.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

144. Đào Văn Tiến đã chết- vợ Trần Thị Liên đang quản lý sử dụng.

Số căn cước công dân: 038172007005 Ngày cấp: 16/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0393250957

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**920,8**			**41.436.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	43,0	920,8	LUC	830,3	45.000	1,0	37.363.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	43,0	920,8	LUC	90,5	45.000	1,0	4.072.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**88.272.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					920,8	45.000	2,0	82.872.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					2,0	2.700.000		5.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					32,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**129.708.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

145. Đào Văn Toàn

Số căn cước công dân: 038064003155 Ngày cấp: 22/09/2024 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0979945348

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**745,9**			**33.565.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	31,0	745,9	LUC	622,1	45.000	1,0	27.994.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	31,0	745,9	LUC	123,8	45.000	1,0	5.571.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**79.281.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					745,9	45.000	2,0	67.131.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Nhân khẩu					9,0	1.350.000		12.150.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					21,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**112.846.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

146. Nguyễn Văn Triều

Số căn cước công dân: 038075003057 Ngày cấp: 14/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0975957469

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**296,8**			**13.356.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	1,0	296,8	LUC	156,6	45.000	1,0	7.047.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	1,0	296,8	LUC	140,2	45.000	1,0	6.309.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**40.212.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					296,8	45.000	2,0	26.712.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					5,0	2.700.000		13.500.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					43,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**53.568.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

147. Hoàng Thị Trung

Số căn cước công dân: 040151010710 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Sô điện thoại của người có đất thu hồi: 0393438563

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**854,5**			**38.452.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	40,0	854,5	LUC	754,8	45.000	1,0	33.966.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	40,0	854,5	LUC	99,7	45.000	1,0	4.486.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**93.105.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					854,5	45.000	2,0	76.905.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					6,0	2.700.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					45,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**131.557.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

148. Trịnh Xuân Trường

Số căn cước công dân: 038054003770 Ngày cấp: 17/09/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0849290688

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**1.484,5**			**66.802.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	34,0	665,1	LUC	477,0	45.000	1,0	21.465.000	
		m²	23,0	38,0	819,4	LUC	712,3	45.000	1,0	32.053.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	34,0	665,1	LUC	188,1	45.000	1,0	8.464.500	
		m²	23,0	38,0	819,4	LUC	107,1	45.000	1,0	4.819.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**166.005.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					1.484,5	45.000	2,0	133.605.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					6,0	5.400.000		32.400.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**232.807.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

149. Bùi Ngọc Tùng

Số căn cước công dân: 038079004991 Ngày cấp: 27/10/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Sô điện thoại của người có đất thu hồi: 0978974993

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**670,3**			**30.163.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	25,0	670,3	LUC	480,3	45.000	1,0	21.613.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	25,0	670,3	LUC	190,0	45.000	1,0	8.550.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**81.927.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					670,3	45.000	2,0	60.327.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					4,0	5.400.000		21.600.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**112.090.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

150. Nguyễn Thị Tươi

Số căn cước công dân: 038158025949 Ngày cấp: 16/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**779,8**			**35.091.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	37,0	779,8	LUC	673,4	45.000	1,0	30.303.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	37,0	779,8	LUC	106,4	45.000	1,0	4.788.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**72.882.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					779,8	45.000	2,0	70.182.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					1,0	2.700.000		2.700.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					42,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**107.973.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

151. Đào Văn Vân

Số căn cước công dân: 038075002195 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0357487120

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**611,6**			**27.522.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	23,0	611,6	LUC	439,1	45.000	1,0	19.759.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	23,0	611,6	LUC	172,5	45.000	1,0	7.762.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**65.844.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					611,6	45.000	2,0	55.044.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Nhân khẩu					8,0	1.350.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					29,6				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**93.366.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

152. Trần Văn Văn

Số căn cước công dân: 038080036428 Ngày cấp: 21/01/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Lê Hương, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0332111178

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**566,2**			**25.479.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	58,0	566,2	LUC	562,3	45.000	1,0	25.303.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	58,0	566,2	LUC	3,9	45.000	1,0	175.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**59.058.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					566,2	45.000	2,0	50.958.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					3,0	2.700.000		8.100.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					36,2				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**84.537.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

153. Đào Văn Vấn

Số căn cước công dân: 038077023249 Ngày cấp: 12/01/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0977665811

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**370,9**			**16.690.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	74,0	370,9	LUC	302,2	45.000	1,0	13.599.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	74,0	370,9	LUC	68,7	45.000	1,0	3.091.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**41.481.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					370,9	45.000	2,0	33.381.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					3,0	2.700.000		8.100.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					41,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**58.171.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

154. Đào Văn Vẽ

Số căn cước công dân: 038076018603 Ngày cấp: 22/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**338,5**			**15.232.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	28,0	338,5	LUC	281,4	45.000	1,0	12.663.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	28,0	338,5	LUC	57,1	45.000	1,0	2.569.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**41.265.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					338,5	45.000	2,0	30.465.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					35,8				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**56.497.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

155 Kiều Văn Vĩnh

Số căn cước công dân: 038065028849 Ngày cấp: 12/02/2025 Nơi cấp: Bộ công an

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0364191837

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**713,2**			**32.094.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	33,0	713,2	LUC	620,1	45.000	1,0	27.904.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	33,0	713,2	LUC	93,1	45.000	1,0	4.189.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**80.388.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					713,2	45.000	2,0	64.188.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					6,0	2.700.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					38,1				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**112.482.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

156. Hồ Thị Vĩnh

Số căn cước công dân: 038168011684 Ngày cấp: 27/10/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0383772091

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**503,7**			**22.666.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	57,0	503,7	LUC	502,2	45.000	1,0	22.599.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	57,0	503,7	LUC	1,5	45.000	1,0	67.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**56.133.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					503,7	45.000	2,0	45.333.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					54,3				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**78.799.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

157. Đào Xuân Vui

Số căn cước công dân: 038073011740 Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0389329908

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**341,2**			**15.354.000,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	23,0	29,0	341,2	LUC	284,2	45.000	1,0	12.789.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	23,0	29,0	341,2	LUC	57,0	45.000	1,0	2.565.000	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**46.908.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					341,2	45.000	2,0	30.708.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					6,0	2.700.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					45,5				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**62.262.000**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

158. Hồ Tấn Xương

Số căn cước công dân: 038070025954 Ngày cấp: 22/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Thôn Điền Vượng, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hoá

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0394753118

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**320,1**			**14.404.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	22,0	2,0	320,1	LUC	316,8	45.000	1,0	14.256.000	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	22,0	2,0	320,1	LUC	3,3	45.000	1,0	148.500	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**		**-**	**-**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					-	8.000		-	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**45.009.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					320,1	45.000	2,0	28.809.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 12 tháng)	Nhân khẩu					3,0	5.400.000		16.200.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					100,0				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**59.413.500**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

159. Trịnh Thị Thế

Số căn cước công dân: 038159014942 Ngày cấp: 19/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi thường trú: Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Số điện thoại của người có đất thu hồi: 0

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Bồi thường đất nông nghiệp.**						**693,3**			**31.198.500,0**	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thực hiện dự án	m²	21,0	142,0	2.047,2	LUC	693,3	45.000	1,0	31.198.500	
-	Đất trồng cây hàng năm (Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình) thu hồi ngoài mốc	m²	21,0	142,0	2.047,2	LUC	-	45.000	1,0	-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**693,3**		**-**	**5.546.400**	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi thực hiện dự án)	m²					693,3	8.000		5.546.400	
-	Lúa vụ Mùa (Thu hồi ngoài mốc)	m²					-	8.000		-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**73.197.000**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					693,3	45.000	2,0	62.397.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (Mức hỗ trợ bằng 30kg gạo tẻ/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 6 tháng)	Nhân khẩu					4,0	2.700.000		10.800.000	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					33,9				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**109.941.900**	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

160 UBND xã Quảng Bình

Số căn cước công dân: Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số điện thoại của người có đất thu hồi:

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Vị trí, diện tích, loại đất theo Trích đo bản đồ địa chính số 292/TĐĐC-2026 do UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 01/6/2026; Mục kê chỉnh lý dự án được UBND xã Quảng Bình phê duyệt ngày 29/6/2026				Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m2)	Loại đất					
I	**Đất đai thuộc phạm vi thực hiện dự án**						**263.607,7**			**-**	
		m²	10	1	562,9	LUC	549,3			-	
		m²	10	28	1.488,3	LUC	857,0			-	
		m²	10	35	337,2	DTL	337,2			-	
		m²	10	51	174,5	DTL	174,5			-	
		m²	10	52	267,4	DTL	264,3			-	
		m²	10	67	17.818,9	DGT	12.489,4			-	
		m²	10	87	231,3	DTL	231,3			-	
		m²	10	107	906,2	DTL	852,1			-	
		m²	10	109	1.850,5	LUC	1.006,4			-	
		m²	10	144	13.617,0	DGT	12.553,8			-	
		m²	10	149	202,9	DTL	202,9			-	
		m²	10	166	196,7	DTL	196,7			-	
		m²	10	172	160,0	DTL	160,0			-	
		m²	10	197	98,0	DTL	98,0			-	
		m²	10	200	127,8	DTL	127,8			-	
		m²	10	202	1.613,6	LUC	1.613,6			-	
		m²	10	204	1.501,3	LUC	1.501,3			-	
		m²	10	206	2.356,7	LUC	2.356,7			-	
		m²	10	207	965,3	DGT	915,7			-	
		m²	10	229	1.148,4	DTL	836,8			-	
		m²	10	230	503,0	DTL	348,5			-	
		m²	10	232	605,0	LUC	398,8			-	
		m²	10	235	449,5	LUC	449,5			-	
		m²	10	237	572,3	LUC	572,3			-	
		m²	10	239	920,4	LUC	638,7			-	

		m²	10	252	301,2	LUC	301,2			-	
		m²	10	254	191,5	LUC	131,7			-	
		m²	10	259	1.699,6	LUC	1.699,6			-	
		m²	10	260	1.032,8	LUC	1.032,8			-	
		m²	10	264	105,2	LUC	105,2			-	
		m²	11	3	329,9	LUC	329,9			-	
		m²	11	4	321,3	DGT	321,3			-	
		m²	11	38	240,5	DTL	240,5			-	
		m²	11	62	2.140,8	LUC	2.140,8			-	
		m²	11	75	11.664,9	DGT	10.750,4			-	
		m²	11	169	588,6	DTL	588,6			-	
		m²	11	172	239,3	LUC	239,3			-	
		m²	11	211	482,7	LUC	482,7			-	
		m²	11	216	72,7	DTL	72,7			-	
		m²	11	308	224,0	LUC	224,0			-	
		m²	11	309	191,0	LUC	191,0			-	
		m²	11	313	271,5	LUC	271,5			-	
		m²	11	317	138,5	LUC	138,5			-	
		m²	11	320	142,1	LUC	141,3			-	
		m²	12	8	14,1	DTL	14,1			-	
		m²	12	13	1.826,6	LUC	1.826,6			-	
		m²	12	14	149,1	DTL	149,1			-	
		m²	12	20	54,7	DTL	54,7			-	
		m²	12	21	10.259,6	CLN	7.949,3			-	
		m²	12	25	112,1	DTL	112,1			-	
		m²	12	29	501,9	LUC	501,9			-	
		m²	12	33	86,9	DTL	86,9			-	
		m²	12	38	2.023,0	DTL	2.023,0			-	
		m²	12	41	3.966,3	DGT	3.966,3			-	
		m²	12	65	6.054,9	CLN	6.054,9			-	
		m²	12	78	798,4	DTL	798,4			-	
		m²	12	81	1.474,2	LUC	1.474,2			-	
		m²	12	86	1.612,0	LUC	1.612,0			-	
		m²	12	138	26.797,3	DGT	26.630,9			-	
		m²	12	142	2.324,7	DGT	819,9			-	
		m²	12	163	400,0	LUC	400,0			-	
		m²	12	165	4.630,8	DTL	4.266,5			-	
		m²	12	179	662,0	LUC	170,3			-	
		m²	12	251	569,2	DGT	569,2			-	
		m²	12	268	1.470,1	LUC	1.470,1			-	
		m²	12	349	430,2	DTL	340,5			-	
		m²	12	395	1.901,9	LUC	1.901,9			-	
		m²	12	405	40,8	DTL	19,9			-	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

-	Theo biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 25/6/2026 của UBND xã Quảng Bình	m²	12	420	268,5	DTL	175,6			-		
		m²	12	427	321,4	DTL	211,9			-		
		m²	12	431	942,0	LUC	942,0			-		
		m²	12	432	22.080,8	DGT	17.950,4			-		
		m²	12	436	59,0	DTL	59,0			-		
		m²	12	455	9.059,5	CLN	9.059,5			-		
		m²	12	459	580,9	HNK	580,9			-		
		m²	12	468	2.132,0	LUC	2.132,0			-		
		m²	12	474	1.192,0	LUC	1.179,0			-		
		m²	12	491	515,3	DTL	363,0			-		
		m²	12	500	1.097,9	LUC	1.097,9			-		
		m²	12	503	903,7	DTL	766,1			-		
		m²	12	523	6.761,9	CLN	3.051,6			-		
		m²	12	616	745,8	LUC	745,8			-		
		m²	12	617	1.221,1	LUC	537,7			-		
		m²	12	621	1.314,4	LUC	1.314,4			-		
		m²	12	623	1.306,6	LUC	1.306,6			-		
		m²	12	631	1.372,1	LUC	746,7			-		
		m²	12	642	512,8	LUC	512,8			-		
		m²	12	643	283,2	LUC	283,2			-		
		m²	12	644	2.002,7	LUC	2.002,7			-		
		m²	12	651	687,3	LUC	687,3			-		
		m²	12	1.064	174,8	LUC	174,8			-		
		m²	12	1.065	398,7	LUC	398,7			-		
		m²	12	1.066	297,3	LUC	297,3			-		
		m²	12	1.067	406,6	LUC	406,6			-		
		m²	12	1.069	598,3	LUC	598,3			-		
		m²	12	1.070	318,6	LUC	158,0			-		
		m²	12	1.071	249,7	LUC	249,7			-		
		m²	12	1.075	415,0	LUC	351,4			-		
		m²	12	1.076	2.202,1	LUC	1.345,5			-		
		m²	12	1.077	1.116,8	LUC	470,7			-		
		m²	12	1.078	2.102,8	LUC	2.102,8			-		
		m²	12	1.087	271,6	LUC	147,2			-		
		m²	12	1.090	139,6	LUC	139,6			-		
		m²	12	1.091	785,8	LUC	785,8			-		
		m²	12	1.093	224,8	LUC	224,8			-		
		m²	12	1.094	678,2	LUC	678,2			-		
		m²	13	21	3.921,3	LUC	3.921,3			-		
		m²	13	27	130,4	DGT	130,4			-		
		m²	13	73	127,2	DTL	127,2			-		
		m²	13	133	1.064,6	NTS	1.064,6			-		
		m²	13	160	208,2	DTL	208,2			-		

		m²	13	207	621,2	LUC	621,2			-	
		m²	13	212	1.091,0	LUC	1.091,0			-	
		m²	13	242	2.533,5	LUC	2.533,5			-	
		m²	13	264	612,4	BHK	612,4			-	
		m²	13	302	6.883,7	CLN	6.883,7			-	
		m²	13	315	188,0	DTL	188,0			-	
		m²	13	416	2.169,3	NTS	2.169,3			-	
		m²	13	429	7.187,2	DTL	2.879,7			-	
		m²	13	435	1.940,9	CLN	1.940,9			-	
		m²	13	486	4.076,0	DGT	4.073,8			-	
		m²	13	759	6.787,1	DGT	5.088,6			-	
		m²	13	952	2.383,7	NTS	2.383,7			-	
		m²	13	963	1.239,1	LUC	1.239,1			-	
		m²	13	971	194,9	NTD	194,9			-	
		m²	13	992	2.296,9	DTL	660,5			-	
		m²	13	1.029	1.116,3	LUC	1.116,3			-	
		m²	13	1.030	2.403,7	LUC	2.403,7			-	
		m²	13	1.031	72,7	BCS	72,7			-	
		m²	13	1.036	1.606,4	CLN	1.606,4			-	
		m²	13	1.075	194,7	BCS	194,7			-	
		m²	13	1.085	536,8	NTS	536,8			-	
		m²	13	1.108	597,5	LUC	597,5			-	
		m²	13	1.130	2.897,0	CLN	2.897,0			-	
		m²	13	1.243	190,9	DTL	190,9			-	
		m²	13	1.254	768,7	CLN	768,7			-	
		m²	13	1.265	215,2	BHK	215,2			-	
		m²	13	1.281	856,9	LUC	622,7			-	
		m²	13	1.324	1.096,2	CLN	1.096,2			-	
		m²	13	1.490	1.060,3	LUC	1.060,3			-	
		m²	13	1.540	18.298,9	DGT	16.321,0			-	
		m²	13	1.545	2.986,4	LUC	2.986,4			-	
		m²	13	1.546	221,4	DGT	57,6			-	
		m²	13	1.547	7.332,6	DGT	5.681,4			-	
		m²	13	1.549	831,2	NTS	831,2			-	
		m²	13	1.552	606,0	LUC	606,0			-	
		m²	13	1.560	1.933,9	LUC	1.933,9			-	
		m²	13	1.561	493,0	LUC	493,0			-	
		m²	13	1.566	427,3	BHK	427,3			-	
		m²	13	1.571	850,9	LUC	850,9			-	
		m²	13	1.573	569,2	LUC	569,2			-	
		m²	13	1.574	694,2	LUC	694,2			-	
		m²	13	1.576	466,3	LUC	466,3			-	
		m²	13	1.577	371,8	LUC	371,8			-	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Cảng tại xã Quảng Bình (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Bình)

		m²	13	1.578	1.429,1	NTS	1.429,1			-	
		m²	21	156	1.479,6	LUC	648,9			-	
		m²	23	7	1.152,4	DGT	1.018,1			-	
		m²	10	40	246,5	LUC	246,5			-	
II	**Bồi thường cây hoa màu.**						**-**			**-**	
-	Lúa vụ Mùa	m²					-			-	
III	**Chính sách hỗ trợ.**									**-**	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất trồng cây hàng năm)*	m²					-			-	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Nhân khẩu					-			-	
3	Tỷ lệ % diện tích đất thu hồi so với tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình đang sử dụng	%					-				
	Tổng cộng (I + II + III)	**đồng**								**-**	